



HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	7 - 32

007
C
C
H
P
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.064.327.702	8.971.078.892
110	I. Tiền		47.288.172	819.991
111	1. Tiền	4	47.288.172	819.991
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.879.105.168	8.877.588.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.651.221.870	1.496.160.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.629.815.005	1.625.464.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	5.912.039.028	3.753.096.261
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.755.025.588	2.255.107.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(68.996.323)	(252.240.627)
140	III. Hàng tồn kho		37.700.270	4.903.261
141	1. Hàng tồn kho	9	50.182.824	17.580.995
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.482.554)	(12.677.734)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		100.234.092	87.767.569
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	99.948.261	87.481.181
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	285.831	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.135.851.601	9.862.263.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.050.979.876	5.007.032.058
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2.382.041.632	3.400.037.284
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.668.938.244	1.606.994.774
220	II. Tài sản cố định		3.952.953	5.422.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	713.786	1.435.536
222	Nguyên giá		8.977.967	9.541.177
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.264.181)	(8.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.239.167	3.986.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.740.833)	(1.993.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	5.080.780.439	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.794.775.803	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		138.333	920.220
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	138.333	920.220
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.200.179.303	18.833.342.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.977.561.619	6.706.515.829
310	I. Nợ ngắn hạn		6.869.416.457	4.823.663.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.801.397	80.269.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	846.778.738	1.842.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	174.408	172.855
314	4. Phải trả người lao động		1.159.200	1.094.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	616.336.120	237.349.753
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	261.041.568	82.649.067
320	7. Vay ngắn hạn	19	5.087.125.026	4.420.285.837
330	II. Nợ dài hạn		2.108.145.162	1.882.851.893
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	33.939.083	107.440.727
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	51.183.874	133.588.694
338	3. Vay dài hạn	19	2.023.022.205	1.641.822.472
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.222.617.684	12.126.826.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.222.617.684	12.126.826.992
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(33.048.266)	(128.838.958)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối năm trước		(128.982.958)	(351.760.883)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		95.934.692	222.921.925
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.200.179.303	18.833.342.821

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2024

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2023

		Thuyết minh		Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Mã số		KHOẢN MỤC		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10		1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.457.524	232.717.079	457.855.118	901.590.188
11		2.	Giá vốn hàng bán	(108.051.157)	(239.197.695)	(448.406.641)	(900.613.532)
20		3.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.406.367	(6.480.616)	9.448.477	976.656
21		4.	Doanh thu hoạt động tài chính	139.907.540	110.616.509	662.366.549	504.253.561
22		5.	Chi phí tài chính	(138.184.088)	(100.912.375)	(546.666.347)	(298.415.780)
23		Trong đó: Chi phí lãi vay		(136.362.817)	(80.101.731)	(523.270.610)	(275.575.838)
25		6.	Chi phí bán hàng	(2.997.831)	(3.090.913)	(6.691.873)	(8.659.726)
26		7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(16.746.248)	(27.370.604)	(22.530.635)	(38.273.541)
30		8.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(15.614.260)	(27.237.999)	95.926.171	159.881.170
31		9.	Thu nhập khác	397.559	124.874.019	566.522	125.885.478
32		10.	Chi phí khác	(24.939)	(57.463.053)	(558.001)	(62.844.723)
40		11.	Lợi nhuận khác	372.620	67.410.966	8.521	63.040.755

Ngàn VND

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

Ngàn VND						
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.241.640)	40.172.967	95.934.692	222.921.925
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(15.241.640)	40.172.967	95.934.692	222.921.925

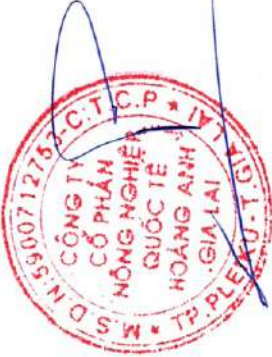


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Ngày 30 tháng 1 năm 2024



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Quý IV năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lãi trước thuế		95.934.692	222.921.925
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	1.469.250	1.499.968
03	(Hoàn nhập dự phòng)/ các khoản dự phòng		(183.439.484)	28.837.929
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(97.876.222)	(57.041.125)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(520.899.009)	(419.671.584)
06	Chi phí lãi vay	23	523.270.610	275.575.838
08	Lỗ/ lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(181.540.163)	52.122.951
09	Tăng các khoản phải thu		(178.458.417)	(529.670.677)
10	(Tăng)/ giảm hàng tồn kho		(32.601.829)	5.645.694
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		925.943.982	(235.225.770)
12	Giảm chi phí trả trước		781.887	1.256.851
14	Tiền lãi vay đã trả		(235.466.534)	(247.070.875)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(410.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		298.658.926	(953.352.226)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		-	(474.583)
23	Tiền chi cho vay		(1.109.783.420)	(436.270.264)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(231.890.991)	-
27	Thu lãi tiền cho vay, tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia		52.327.281	360.748
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.289.347.130)	(436.384.099)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ đi vay		3.090.557.600	3.482.336.692
34			(2.053.402.984)	(2.099.116.035)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.037.154.616	1.383.220.657
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		46.466.412	(6.515.668)
60	Tiền đầu năm	4	819.991	7.334.259
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.769	1.400
70	Tiền cuối năm	4	47.288.172	819.991

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Ngày 30 tháng 1 năm 2024

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2023

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cây ăn trái, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("Hoàng Anh Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("Hoàng Anh Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2023 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi ngân hàng	47.248.054	772.389
Tiền mặt tại quỹ	40.118	47.602
TỔNG CỘNG	47.288.172	819.991

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.583.018.982	1.401.326.940
Khách hàng khác	68.202.888	94.833.660
	1.651.221.870	1.496.160.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.621.544.078	1.604.123.267
Nhà cung cấp khác	8.270.927	21.341.108
	1.629.815.005	1.625.464.375

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	5.912.039.028	3.633.730.761
Cho vay ngắn hạn Chính phủ Lào (*)	-	119.365.500
	5.912.039.028	3.753.096.261
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.714.113.454	3.400.037.284
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào (*)	667.928.178	-
	2.382.041.632	3.400.037.284
TỔNG CỘNG	8.294.080.660	7.153.133.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

7. **PHẢI THU VỀ CHO VAY** (tiếp theo)

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

8. **PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	2.743.364.174	2.233.201.271
Các khoản khác	11.661.414	21.906.191
	2.755.025.588	2.255.107.462
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.668.938.244	1.606.994.774
	1.668.938.244	1.606.994.774
TỔNG CỘNG	4.423.963.832	3.862.102.236

9. **HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	50.149.344	17.580.995
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.480	-
TỔNG CỘNG	50.182.824	17.580.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.482.554)	(12.677.734)
GIÁ TRỊ THUẦN	37.700.270	4.903.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Ngân VND
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
Thanh lý trong kỳ	(563.210)	-	-	(563.210)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)	(8.105.641)
Khấu hao trong kỳ	-	(192.950)	(528.800)	(721.750)
Thanh lý trong kỳ	563.210	-	-	563.210
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(310.655)	(5.398.745)	(2.554.781)	(8.264.181)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	495.344	940.192	1.435.536
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	302.394	411.392	713.786



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.980.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>5.980.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.993.333)
Hao mòn trong năm	<u>(747.500)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>(2.740.833)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>3.986.667</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>3.239.167</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.794.775.803	-	4.662.884.812	(100.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.083.375.049</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>4.951.484.058</u>	<u>(102.594.610)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	668.599.392	-	100,00	436.708.401	-
Xuất Nhập khẩu HAGL (*)	Đã giải thể		-	-	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			4.794.775.803	-		4.662.884.812	(100.000.000)

(*) Xuất nhập khẩu HAGL đã được hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động theo Thông báo giải thể số 589/23 do SKHĐT tỉnh Gia Lai cấp ngày 6 tháng 2 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610
			(2.594.610)		(2.594.610)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công cụ và dụng cụ	138.333	445.418
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	474.802
TỔNG CỘNG	138.333	920.220

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	40.309.084	64.388.705
Phải trả khác	16.492.313	15.881.152
TỔNG CỘNG	56.801.397	80.269.857

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ứng trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	846.686.346	1.749.775
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	92.392	92.392
TỔNG CỘNG	846.778.738	1.842.167

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	99.948.261	87.481.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	285.831	285.831
Thuế nhập khẩu nộp thừa	-	557
TỔNG CỘNG	100.234.092	87.767.569
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	174.408	172.855
TỔNG CỘNG	174.408	172.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	587.979.344	208.473.554
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	570.909.491	98.571.561
Các khoản khác	28.356.776	28.876.199
	616.336.120	237.349.753
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	33.939.083	107.440.727
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	57.094.890
	33.939.083	107.440.727
TỔNG CỘNG	650.275.203	344.790.480

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	242.844.188	65.584.210
Phải trả khác bên thứ ba	18.197.380	17.064.857
	261.041.568	82.649.067
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	30.271.853	97.048.755
Phải trả khác bên thứ ba	20.912.021	36.539.939
	51.183.874	133.588.694
TỔNG CỘNG	312.225.442	216.237.761

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	4.261.894.508	2.718.052.500
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	52.490.000	790.250.181
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	500.000.000	599.542.639
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	272.740.518	312.440.517
	5.087.125.026	4.420.285.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

19. VAY (tiếp theo)

Vay dài hạn

Vay dài hạn các bên liên quan

(Thuyết minh số 19.1)

Vay dài hạn ngân hàng

(Thuyết minh số 19.4)

1.904.917.600 1.471.227.867

118.104.605 170.594.605

2.023.022.205 1.641.822.472

TỔNG CỘNG

7.110.147.231 6.062.108.309

19.1 Vay dài hạn bên liên quan

Ngàn VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải

5.182.114.070 2.804.396.470

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")

984.698.038 1.384.883.897

TỔNG CỘNG

6.166.812.108 4.189.280.367

Trong đó:

Vay dài hạn bên liên quan

1.904.917.600 1.471.227.867

Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm

4.261.894.508 2.718.052.500

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- Chi nhánh Hà Nội

500.000.000 599.542.639

TỔNG CỘNG

500.000.000 599.542.639

19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan

Ngàn VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải

272.740.518 312.440.517

TỔNG CỘNG

272.740.518 312.440.517

19.4 Vay dài hạn ngân hàng

Ngàn VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai

- 737.760.181

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn

170.594.605 223.084.605

TỔNG CỘNG

170.594.605 960.844.786

Trong đó:

Vay dài hạn ngân hàng

118.104.605 170.594.605

Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm

52.490.000 790.250.181

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

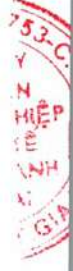
B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2022				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(552.000)	(552.000)
Lãi thuần trong năm	-	-	222.921.925	222.921.925
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Năm 2023				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(144.000)	(144.000)
Lãi thuần trong năm	-	-	95.934.692	95.934.692
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.048.266)	12.222.617.684



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu thuần	110.457.524	232.717.079	457.855.118	901.590.188	
Trong đó:					
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	49.656.347	159.469.098	323.092.477	703.384.797	
Doanh thu bán mù cào su	60.801.177	73.217.396	134.762.641	197.519.176	
Doanh thu bán trái cây	-	-	-	618.181	
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	-	30.585	-	68.034	

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền cho vay	139.588.970	104.031.860	520.860.844	393.405.284	
Lãi chênh lệch tỷ giá	301.471	6.580.149	115.322.982	84.581.978	
Cổ tức	-	-	26.144.558	26.144.558	
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.099	4.500	38.165	121.741	
TỔNG CỘNG	139.907.540	110.616.509	662.366.549	504.253.561	



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	49.446.546	161.571.886	320.476.081	700.667.220
Giá vốn mủ cao su	58.604.611	66.730.905	127.930.560	187.667.160
Giá vốn trái cây	-	-	-	1.348.388
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	-	10.894.904	-	10.930.764
TỔNG CỘNG	108.051.157	239.197.695	448.406.641	900.613.532

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	136.362.817	80.101.731	523.270.610	275.575.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-	17.291.633	-
Chi phí khác	1.821.271	20.810.644	6.104.104	22.839.942
TỔNG CỘNG	138.184.088	100.912.375	546.666.347	298.415.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Chi phí bán hàng					
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.997.831	3.090.913	6.691.873	8.659.726	
Chi phí nhân viên	2.685.534	2.657.086	5.319.752	6.906.219	
Khác	289.492	378.188	1.116.251	1.541.637	
	22.805	55.639	255.870	211.870	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.746.248	27.370.604	22.530.635	38.273.541	
Chi phí nhân viên	1.455.974	1.495.482	4.481.537	5.058.178	
Dự phòng phải thu khó đòi	11.819.886	13.733.814	11.950.525	16.769.606	
Chi phí khấu hao và hao mòn	413.256	30.866	1.715.408	1.418.175	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.965.308	1.790.412	4.137.805	4.206.209	
Khác	91.824	10.320.030	245.360	10.821.373	
TỔNG CỘNG	19.744.079	30.461.517	29.222.508	46.933.267	

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Thu nhập khác					
Thu từ thanh lý tài sản	397.559	124.874.019	566.522	125.885.478	
Các khoản khác	388.500	-	557.463	-	
	9.059	124.874.019	9.059	125.885.478	
Chi phí khác					
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	24.939	57.463.053	558.001	62.844.723	
Các khoản phạt	24.939	-	532.421	-	
Các khoản khác	-	148.530	25.000	157.896	
	-	57.314.523	580	62.686.827	
LÃI KHÁC	372.620	67.410.966	8.521	63.040.755	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngân VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.934.692	222.921.925
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.295.049	66.801.581
Thu nhập cổ tức	(26.144.558)	(26.144.558)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(117.875.338)	(91.575.508)
Các khoản khác	-	(125.876.974)
(Lỗ)/ lợi nhuận chịu thuế ước tính	(46.790.155)	46.126.466
Lỗi chuyển sang từ các kỳ trước	-	(46.126.466)
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)
<i>(Thuyết minh số 16)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay tiền	1.318.267.600
		Trả gốc vay	60.900.000
		Lãi đi vay	127.861.334
		Bán hàng hóa	44.157.831
		Mua hàng hóa	27.247.817
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	251.425.474
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	66.093.025
		Mua hàng hóa	36.529.300
		Lãi cho vay	101.119.754
		Thu hộ	7.648.200
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	1.000.000
		Mua hàng hóa	22.075.310
		Lãi cho vay	9.447.630
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Góp vốn	231.890.991
		Lãi cho vay	16.676.348
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	12.345.235
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn	Trả gốc vay	200.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	52.289.115
Công ty TNHH Phân Phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	8.083.333
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	2.685.540
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng Thaco	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	1.041.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	1.486.158.660
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	46.193.059
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	36.598.662
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	13.998.941
Công ty TNHH một thành viên chăn nuôi bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	69.660
TỔNG CỘNG			1.583.018.982
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	764.824.376
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	658.304.204
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	198.415.498
TỔNG CỘNG			1.621.544.078
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.895.266.640
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	805.908.354
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	619.432.694
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	591.431.340
TỔNG CỘNG			5.912.039.028
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.450.658.849
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	262.454.605
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	1.000.000
TỔNG CỘNG			1.714.113.454
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.544.502.763
		Lãi cho vay	518.905.443
		Chi hộ	165.441.972
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	208.338.700
		Lãi cho vay	35.696.686
		Chi hộ	1.022
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	71.723.685
		Chi hộ	1.022
		Lãi cho vay	117.003.008
HAQM Lào	Công ty con	Cần trừ công nợ	5.993.044
		Cần trừ công nợ	75.757.851
		Cần trừ công nợ	75.757.851
CRD	Công ty con	Cần trừ công nợ	75.757.851
TỔNG CỘNG			2.743.364.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

			Ngân VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.529.997.030
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	72.226.296
		Cần trừ công nợ	31.191.183
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	35.523.735
TỔNG CỘNG			1.668.938.244
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty TNHH Phân phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	30.337.400
Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	4.098.993
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.549.268
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng THACO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	2.269.620
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.053.803
TỔNG CỘNG			40.309.084
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	846.686.346
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay ngắn hạn	570.909.491
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trừ công nợ	226.742.175
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ, phải trả khác	8.453.813
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	7.648.200
TỔNG CỘNG			242.844.188
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	30.271.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2023

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2024

